TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-ST
Ngày: 06-3-2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà H'Uyên A Yun.

Ông Trần Quang Thắng.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020 tại Phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 488/2019/TLST - DS, ngày 17 tháng 12 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 01 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2020/QĐST-DS, ngày 18 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Quang T, sinh năm 1966; có mặt.

Địa chỉ: Buôn H, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1954; có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Thân Thị B; sinh năm 1959; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc nguyên đơn ông Vũ Quang T trình bày:

Ông Vũ Quang T và vợ chồng ông Hoàng Văn H và Thân Thị B có quan hệ mua bán cà phê nhân xô, phân bón với nhau, thời gian diễn ra giao dịch nhiều lần vào năm 2008, 2009, 2010 trong quá trình mua bán thì có viết vào sổ và ông H ký nhận.

Tính đến ngày 04/11/2010 thì hai bên có đối chiếu công nợ thì vợ chồng ông H còn nợ tổng số cà phê nhân xô là 1.940,1 kg; sau đó vợ chồng ông H đã trả nhiều lần, tính đến nay còn nợ 72,4 kg cà phê nhân xô đủ độ (15 độ).

Ngoài ra, vào ngày 17/02/2009 ông H có mua phân bón, số tiền nợ là 9.600.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, không hẹn thời gian trả; ngày 13/9/2009 ông H mua phân bón và nợ lại số tiền 10.080.000 đồng, lãi suất 02%/tháng và thời hạn trả là 20/12/2009. Tổng số tiền ông H mua phân bón nợ 19.680.000 đồng.

Từ đó đến nay ông T đã yêu cầu vợ chồng ông H trả nợ tiền phân bón, cà phê nhân nhiều lần nhưng vẫn không trả. Nay yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Hoàng Văn H và Thân Thị B phải trả số nợ 72,4 kg cà phê nhân xô đủ độ (15 độ) và số tiền 19.680.000 đồng và tiền lãi suất theo lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày nợ cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Về thời hạn trả: Đối với cà phê nhân xô trả vào ngày 30/11/2020; còn tiền mua phân bón trả 10.000.000 đồng và ½ tiền lãi suất vào ngày 30/4/2020; số nợ còn lại trả vào 30/11/2020.

Tại bản tự khai và trong quá trình làm việc bị đơn ông Hoàng Văn H trình bày:

Ông Hoàng Văn H và vợ là bà Thân Thị B có quan hệ mua bán cà phê, phân bón với ông Vũ Quang T, thời gian diễn ra giao dịch nhiều lần vào năm 2008, 2009, 2010, trong quá trình mua bán thì có viết vào sổ.

Tính đến ngày 04/11/2010 thì hai bên có đối chiếu công nợ vợ chồng ông còn nợ của ông T tổng số cà phê nhân xô là 1.940,1 kg; sau đó vợ chồng ông H đã trả nhiều lần, tính đến nay còn nợ 72,4 kg cà phê nhân xô đủ độ (15 độ).

Ngoài ra, vào ngày 17/02/2009 ông H có mua phân bón của ông T, số tiền nợ là 9.600.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, hẹn cuối năm trả, không ghi vào sổ mà chỉ thỏa thuận miệng; ngày 13/9/2009 ông H tiếp tục mua phân bón của ông T và nợ lại số tiền 10.080.000 đồng, lãi suất 02%/tháng và thời hạn trả là 20/12/2009. Tổng số tiền mua bán phân bón còn nợ 19.680.000 đồng.

Từ đó đến nay ông T đã yêu cầu trả tiền phân bón, cà phê nhân nhiều lần nhưng vợ chồng ông không trả được vì kinh tế gia đình khó khăn. Nay ông xin trả 72,4 kg cà phê nhân xô và 10.000.000 đồng tiền phân bón, ½ tiền lãi suất vào ngày 30/12/2020; số nợ còn lại xin trả vào cuối năm 2021.

Về lãi suất xin trả lãi theo ngân hàng tại thời điểm giải quyết, nếu ông T không chấp nhận thì yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và trong quá trình làm việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thân Thị B trình bày:

Bà Thân Thị B và chồng là Hoàng Văn H có quan hệ mua bán cà phê nhân xô, phân bón... với ông T thời gian diễn ra giao dịch nhiều lần, cách đây khoảng 10 năm rồi, trong quá trình mua bán thì có viết vào sổ, bà B biết việc này, việc mua bán trên là về phục vụ chăm sóc vườn cây của gia đình. Hai bên thỏa thuận là cuối năm là thanh toán, đến ngày 04/11/2010 hai bên có đối chiếu công nợ thì vợ chồng bà B còn nợ của ông H tổng số cà phê nhân xô là 1.940,1 kg; sau đó trả nhiều lần, tính đến nay còn nợ 72,4 kg cà phê nhân xô đủ độ (15 độ).

Ngoài ra, vào ngày 17/02/2009 ông H có mua phân bón của ông T, số tiền nợ là 9.600.000 đồng, lãi suất 03%, hẹn cuối năm trả; ngày 13/9/2009 ông H mua phân bón của ông T và nợ lại số tiền 10.080.000 đồng, lãi suất 02% và thời hạn trả là 20/12/2009. Tổng số tiền mua bán phân bón nợ của ông T là 19.680.000 đồng.

Từ đó đến nay ông T đã yêu cầu trả tiền phân bón, cà phê nhân nhiều lần nhưng vợ chồng bà không trả được, số nợ trên xin trả 72,4 kg cà phê nhân xô và 10.000.000 đồng tiền phân bón, ½ tiền lãi suất vào ngày 30/12/2020; số nợ còn lại xin trả vào cuối năm 2021.

Về lãi suất xin trả lãi theo ngân hàng tại thời điểm giải quyết, nếu ông T không chấp nhận thì yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn ông Vũ Quang T với bị đơn ông Hoàng Văn H bà Thân Thị B là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Vũ Quang T và vợ chồng ông Hoàng Văn H, bà Thân Thị B có quan hệ mua bán phân bón, cà phê nhân cụ thể như sau: Ngày 17/02/2009 ông H, bà B mua phân bón của ông T, nợ lại số tiền 9.600.000 đồng, lãi suất 03%, không hẹn thời hạn trả nợ; ngày 13/9/2009 ông H, bà B mua tiếp phân bón và nợ lại số tiền 10.080.000 đồng, lãi suất 02%, hẹn đến 20/12/2009 thanh toán. Ngoài ra, ông H, bà B còn mua bán cà phê nhân xô với ông T, nhiều lần vào năm 2010, nay còn nợ ông T 72,4 kg cà phê nhân xô đủ độ. Tại phiên tòa, ông T yêu cầu vợ chồng ông H phải trả ngay toàn bộ số nợ trên và lãi suất 02%/tháng nhưng ông H chỉ chấp nhận trả dần và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án ông H bà B thừa nhận toàn bộ số nợ trên. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Việc thiết lập hợp đồng mua bán tài sản giữa ông T với ông H, bà B là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp

pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, được quy định tại Điều 428, Điều 432 và Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Ông T đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên bán tài sản nhưng ông H bà B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên mua tài sản là phải trả đủ tiền, cà phê. Như vậy, ông H bà B đã vi phạm nghĩa vụ của bên mua tài sản theo quy định tại Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Đối với số nợ giao dịch ngày 17/02/2009 không thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng sau khi mua bán ông T đã yêu cầu vợ ông H trả nợ nhiều lần, vợ chồng ông H cũng thừa nhận. Việc ông H bà B không thực hiện nghĩa vụ đầy đủ của bên mua tài sản đối với bên bán tài sản làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, ông T yêu cầu ông H bà B trả 19.680.000 đồng và 72,4 kg cà phê nhân xô đủ độ là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Về thời hạn trả nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H xin trả cà phê nhân xô và tiền mua phân bón xin trả 10.000.000 đồng và ½ tiền lãi suất vào tháng 12/2020; còn số nợ còn lại xin trả vào cuối năm 2021 nhưng ông T không đồng ý, yêu cầu phải trả hết nợ từ tháng 6 đến cuối năm 2020, nếu không đồng ý thì phải trả ngay. Xét thấy, yêu cầu của vợ chồng ông H về thời hạn trả nợ như trên là không hợp lý và không có căn cứ, mặt khác ông T cũng không đồng ý, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Vì vậy, cần buộc vợ chồng ông H phải trả cho ông T toàn bộ số nợ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án ông T yêu cầu ông Hoàng Văn H, bà Thân Thị B phải trả lãi suất theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa yêu cầu trả lãi suất 02%/tháng, thời hạn kể từ ngày vợ chồng ông H vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho đến nay. Vợ chồng ông H chấp nhận trả tiền lãi suất nhưng xin trả theo lãi theo ngân hàng, tại phiên tòa ông T chỉ chấp nhận lãi suất theo quy định của pháp luật tại thời điểm phát sinh giao dịch mua bán với nhau.

Xét thấy: Khi mua bán hai bên thỏa thuận lãi suất là 02% và 03%, theo quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì việc thỏa thuận nêu trên không đúng. Vì vậy, cần tính theo quy định của pháp luật tại thời điểm diễn ra giao dịch.

Do vợ chồng ông H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, có tranh chấp về lãi suất, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 để tính lãi suất, cụ thể. Đối với số tiền 9.600.000 đồng tính từ ngày 17/02/2009 đến ngày xét xử sơ thẩm như sau: [9.600.000 đồng x 0,75%/tháng x 4.033 ngày] : 30 = 9.679.200 đồng.

Đối với số tiền 10.080.000 đồng, thời hạn kể từ ngày 13/9/2009 đến hạn trả nợ như thỏa thuận là 20/12/2009 là: [10.080.000 đồng x 0,75%/tháng x 97 ngày] : 30 = 244.440 đồng. Do quá hạn trả nợ vợ chồng ông H còn phải chịu lãi suất như sau: [10.080.000 đồng x (0,75%/tháng x 150% = 1,125%) x 3.725 ngày] : 30 =

14.080.500 đồng. Tổng cộng, tiền lãi suất vợ chồng ông H phải trả cho ông Trung tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 24.004.140 đồng.

[5] Về án phí dân sự: Cần buộc ông Hoàng Văn H và bà Thân Thị B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông bà là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn tiền án phí dân sự nên cần miễn cho ông H, bà B. Cần trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự cho ông Vũ Quang T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 428, Điều 429, Điều 432, Điều 438, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Quang T.

1. Buộc ông Hoàng Văn H và bà Thân Thị B phải trả cho ông Vũ Quang T số tiền 43.684.140 (Bốn mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi đồng), trong đó 19.680.000 đồng nợ gốc; 24.004.140 đồng nợ lãi tính đến ngày 06/3/2020; 72,4 kg (Bảy mươi hai phẩy bốn ki lô gam) cà phê nhân xô quy chuẩn đủ độ (15 độ).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận việc ông Vũ Quang T yêu cầu ông Hoàng Văn H và Thân Thị B phải trả lãi suất 02%/tháng đối với số nợ 19.680.000 đồng

2. Về án phí dân sự: Buộc ông Hoàng Văn H và bà Thân Thị B phải chịu 2.296.000 (Hai triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông H, bà B là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí dân sự nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông H, bà B. Trả lại cho ông Vũ Quang T 550.000 (Năm trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số AA/2019/0001270, ngày 09 tháng 12 năm 2019.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Vũ Quang T, bị đơn ông Hoàng Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Thân Thị B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Cổng TTĐT Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Đăng Khoa